

Các nhân tố ảnh hưởng đến ý định khởi nghiệp của sinh viên tộc người thiểu số tại Đắk Lắk

Trần Thị Hoan^{1*} và Võ Tấn Phong²

¹Dòng Nữ Vương Hòa Bình

²Trường Đại học Lạc Hồng

TÓM TẮT

Nghiên cứu này được thực hiện nhằm xác định và đánh giá các nhân tố ảnh hưởng tới ý định khởi nghiệp của sinh viên tộc người thiểu số tại Đắk Lắk, từ đó đề xuất một số hàm ý quản trị nhằm thúc đẩy sinh viên tộc người thiểu số khởi nghiệp. Nghiên cứu được thực hiện thông qua điều tra bằng bảng hỏi 618 sinh viên tộc người thiểu số tại các trường đại học, cao đẳng trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk. Các phân tích Cronbach's Alpha, EFA, CFA và SEM được thực hiện trên phần mềm SPSS và AMOS. Kết quả nghiên cứu cho thấy ý định khởi nghiệp của sinh viên tộc người thiểu số tại Đắk Lắk chịu ảnh hưởng trực tiếp của nhân tố Nhận thức kiểm soát hành vi và nhân tố Thái độ khởi nghiệp, chịu tác động gián tiếp bởi nhân tố Giáo dục khởi nghiệp, Hỗ trợ của chính phủ, Môi trường kinh doanh và Nguồn lực sẵn có. Nhân tố Rào cản tộc người thiểu số không cho thấy ảnh hưởng đến ý định khởi nghiệp của sinh viên tộc người thiểu số tại Đắk Lắk.

Từ khóa: ý định khởi nghiệp, dân tộc thiểu số, sinh viên Đắk Lắk

1. GIỚI THIỆU

Thúc đẩy khởi nghiệp được coi là mục tiêu, đồng thời là phương tiện để thực hiện ba đột phá chiến lược của Việt Nam, bao gồm thể chế, hạ tầng và nguồn nhân lực. Kiểm sống, làm giàu và phụng sự xã hội bằng con đường khởi nghiệp đang được các tổ chức chính quyền, đoàn thể, các tổ chức chính trị, xã hội, các tổ chức phát triển, hiệp hội, trường đại học đặc biệt quan tâm. Bình quân giai đoạn 2017-2021, cả nước có 167,029 doanh nghiệp thành lập mới hằng năm. Tây Nguyên là khu vực gia tăng mạnh về số lượng doanh nghiệp thành lập mới và số vốn đăng ký. Bên cạnh những triển vọng chung về kinh tế, theo kết quả điều tra thu thập thông tin về thực trạng kinh tế - xã hội của 53 dân tộc thiểu số [1] cho thấy tại Việt Nam có 14,119,256 người dân tộc thiểu số trong đó Đắk Lắk đứng vị trí thứ tư trong bảng xếp hạng các tỉnh có quy mô tộc người thiểu số (TNTS) lớn nhất cả nước, với 667,305 người thuộc 49 dân tộc. Tại Đắk Lắk có hơn 2,100 sinh viên TNTS đang học tại các trường đại học, cao đẳng; trong đó có gần 1,000 sinh viên TNTS có thành tích học tập loại khá, giỏi, xuất sắc. Tuy nhiên, chỉ có 81 người TNTS (chiếm 8%) được trao vốn khởi nghiệp năm 2021. Như vậy, thúc đẩy khởi nghiệp cho sinh viên TNTS tại Đắk Lắk là một vấn đề cấp thiết, cần được quan tâm.

Cho đến nay, đã có nhiều công trình nghiên cứu về ý định khởi nghiệp [2 - 5]. Tuy nhiên, chưa có nghiên cứu nào tại tỉnh Đắk Lắk. Vì vậy, nghiên cứu này được thực hiện với mục đích (1) Xác định những nhân tố ảnh hưởng đến ý định khởi nghiệp, (2) Đo lường mức độ ảnh hưởng của từng nhân tố đến ý định khởi nghiệp và (3) Đưa ra một số hàm ý quản trị nhằm thúc đẩy khởi nghiệp với đối tượng là sinh viên TNTS tại Đắk Lắk.

2. CƠ SỞ LÝ THUYẾT VÀ MÔ HÌNH NGHIÊN CỨU

2.1. Ý định khởi nghiệp

MacMillan [6] cho rằng khởi nghiệp là việc một cá nhân chấp nhận rủi ro để tạo lập một doanh nghiệp mới và tự làm chủ nhằm mục đích làm giàu, hoặc là việc bắt đầu tạo lập một công việc kinh doanh mới bằng đầu tư vốn kinh doanh, hay mở cửa hàng kinh doanh. Theo Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam, khởi nghiệp kinh doanh là những nỗ lực thực hiện các quyết định mạo hiểm về kinh doanh hoặc thành lập một doanh nghiệp mới, có thể dưới hình thức tự thuê, tự doanh, làm việc một mình, thành lập một doanh nghiệp mới, hoặc mở rộng doanh nghiệp hiện tại bởi một cá nhân, nhóm cá nhân hoặc bởi một doanh nghiệp đã thành lập. Trong nghiên cứu này, khởi nghiệp đối với sinh viên

Tác giả liên hệ: Trần Thị Hoan

Email: marianhoan.mrp@gmail.com

TNTS được hiểu là bắt đầu sự nghiệp bằng việc chấp nhận rủi ro để tạo lập một doanh nghiệp mới nhằm thực hiện ý tưởng kinh doanh.

2.2. Các nhân tố ảnh hưởng đến ý định khởi nghiệp của sinh viên tộc người thiểu số tại Đắk Lắk

Nghiên cứu được thực hiện dựa trên nền tảng lý thuyết về hành vi có kế hoạch (TPB) [7] và mô hình sự kiện khởi nghiệp của Shapero và Sokol (SEE) [8]. Đồng thời, kế thừa kết quả nghiên cứu về ý định khởi nghiệp của nhiều tác giả trên thế giới với nhiều đối tượng khởi nghiệp khác nhau; cùng với những đặc thù về địa lý và văn hóa của TNTS tại Đắk Lắk, tác giả đề xuất 6 nhân tố: Thái độ khởi nghiệp, Nhận thức kiểm soát hành vi, Giáo dục khởi nghiệp, Sự hỗ trợ của chính phủ, Nguồn lực sẵn có và Rào cản tộc người thiểu số là những nhân tố ảnh hưởng đến ý định khởi nghiệp của sinh viên tộc người thiểu số tại Đắk Lắk. Trong đó:

- *Thái độ khởi nghiệp* là sự đánh giá tổng thể về một hành vi cụ thể của một cá nhân, trong đó hành vi có thể được coi là mức độ mà cá nhân đánh giá là không thuận lợi hoặc thuận lợi cho hành vi được đề cập [7]. Thái độ biểu thị nhận thức về mong muốn cá nhân và liên quan đến niềm tin và kỳ vọng về các tác động cá nhân của kết quả bắt nguồn từ một hành vi nhất định. Theo TPB [7], thái độ khởi nghiệp là một trong 3 yếu tố chính tác động đến ý định khởi nghiệp. Mối quan hệ tích cực giữa Thái độ khởi nghiệp và ý định khởi nghiệp của sinh viên được nhiều tác giả kiểm định [2 - 3, 5, 9]. Từ những cơ sở nêu trên, tác giả đưa ra giả thuyết H1: *Thái độ khởi nghiệp ảnh hưởng cùng chiều đến ý định khởi nghiệp của sinh viên tộc người thiểu số tại Đắk Lắk.*
- *Nhận thức kiểm soát hành vi* là nhận thức về sự dễ dàng hay khó khăn trong việc thể hiện hành vi khởi nghiệp. Theo TPB [7], nhận thức kiểm soát hành vi giúp dự đoán ý định, trong khi ý định dự đoán hành vi. Các công trình nghiên cứu [3, 5] cho thấy nhận thức kiểm soát hành vi có ảnh hưởng tích cực đến ý định khởi nghiệp. Từ cơ sở trên, tác giả đặt giả thuyết H2: *Nhận thức kiểm soát hành vi có ảnh hưởng cùng chiều đến ý định khởi nghiệp của sinh viên tộc người thiểu số tại Đắk Lắk.*
- *Giáo dục khởi nghiệp* là những nội dung giáo dục liên quan đến chương trình, các bài giảng ngoại khóa, hoặc các khóa học cung cấp cho sinh viên những kiến thức, kỹ năng và thái độ để theo đuổi sự nghiệp kinh doanh. Ibrahim&Abdullahi [10] cho rằng sức mạnh của ý định kinh doanh của

sinh viên sau khi tốt nghiệp là do các kỹ năng có được khi còn ngồi trên ghế Nhà trường. Từ đó tác giả đưa ra giả thuyết H3: *Giáo dục khởi nghiệp có ảnh hưởng cùng chiều đến thái độ khởi nghiệp của sinh viên TNTS tại Đắk Lắk.*

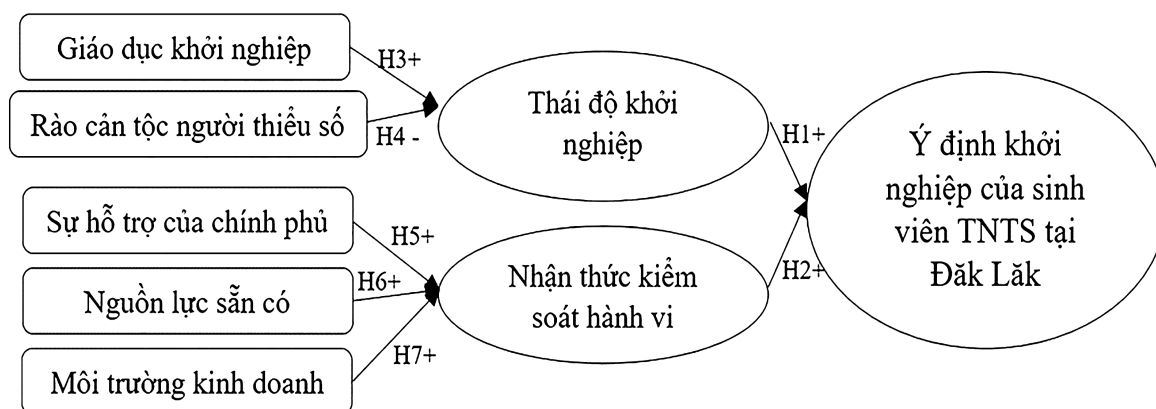
- *Rào cản tộc người thiểu số* là các yếu tố đặc trưng của tộc người thiểu số hạn chế tinh thần khởi nghiệp. Các tộc người thiểu số thường thấy mình bị thiệt thòi trong thị trường lao động chính vì các rào cản cấu trúc, chẳng hạn như phân biệt chủng tộc, ngôn ngữ và sự thiếu hụt kỹ năng khác hoặc bộ kỹ năng không phù hợp. Levent et al., [11] đã chỉ ra những rào cản tộc người thiểu số ảnh hưởng đến khởi nghiệp. Từ đó, tác giả đưa ra giả thuyết H4: *Rào cản tộc người thiểu số ảnh hưởng ngược chiều lên ý định khởi nghiệp của sinh viên tộc người thiểu số ở Đắk Lắk.*
- *Sự hỗ trợ của chính phủ* là tổng thể các chính sách và chương trình của chính phủ liên quan đến một vấn đề nhất định [9]. Các chính phủ trên thế giới coi tinh thần kinh doanh là chìa khóa để phát triển kinh tế đồng thời luôn mong muốn cung cấp một môi trường hỗ trợ thúc đẩy các doanh nghiệp hiện tại và thúc đẩy các dự án kinh doanh mới. Hỗ trợ của chính phủ cũng được xác nhận là có tác động tích cực đến ý định khởi nghiệp của thanh niên tộc người thiểu số tại phía Bắc Việt Nam [5]. Các chính sách và pháp luật của một đất nước sẽ ảnh hưởng trực tiếp tới việc tạo dựng một văn hóa khởi nghiệp và sáng tạo. Từ những cơ sở trên, tác giả đưa ra giả thuyết H5: *Hỗ trợ của chính phủ có ảnh hưởng cùng chiều đến nhận thức kiểm soát hành vi của sinh viên tộc người thiểu số tại Đắk Lắk.*
- *Nguồn lực sẵn có*: Theo lý thuyết sự kiện khởi sự kinh doanh (SEE) [8], dự định khởi nghiệp sẽ xuất hiện khi một cá nhân phát hiện ra một cơ hội mà họ thấy có khả thi và họ mong muốn nắm lấy cơ hội đó. Nghiên cứu của Edelman và Yli-Renko [12] cho thấy nhận thức về nguồn lực sẵn có là động lực thúc đẩy khởi nghiệp. Từ cơ sở lý thuyết và các nghiên cứu trước, tác giả đưa ra giả thuyết H6: *Nguồn lực sẵn có có tác động cùng chiều đến nhận thức kiểm soát hành vi của sinh viên tộc người thiểu số tại Đắk Lắk.*
- *Môi trường kinh doanh* bao gồm tất cả các điều kiện xã hội, văn hóa, kinh tế và chính trị, cũng như các cơ hội hiện có để nhận ra các nguồn lực kinh doanh, môi trường kinh doanh có tác động trực tiếp và đáng kể đến ý định kinh doanh. Kết quả nghiên cứu của Kallas [13] trên một mẫu người Estonia và tộc người thiểu số nói tiếng Nga cho

thấy nhận thức về môi trường kinh doanh có liên quan đáng kể và cùng chiều đến ý định khởi nghiệp. Từ những kết quả nghiên cứu trên, tác giả đưa ra giả thuyết H7: *Môi trường kinh doanh có tác động cùng chiều đến ý định khởi nghiệp của sinh viên TNTS tại Đắk Lắk.*

2.3. Cơ sở xây dựng mô hình

Căn cứ vào kết quả các nghiên cứu đi trước, tác giả tiến hành tổng hợp các nhân tố tác động đến ý định khởi nghiệp. Theo đó, các biến thái độ khởi nghiệp, nhận thức kiểm soát hành vi, giáo dục khởi nghiệp

là những biến được lặp lại nhiều nhất trong các nghiên cứu do đó có thể là các biến quan trọng nên tác giả chọn ba biến này vào mô hình nghiên cứu của mình. Đối với TNTS thì sự hỗ trợ của chính phủ trong quá trình phát triển kinh tế là một yếu tố quan trọng nên tác giả chọn vào mô hình của mình. Ngoài ra, vì đặc thù về địa lý và văn hóa của TNTS có nhiều điểm khác biệt so với các đối tượng khác nên tác giả chọn thêm yếu tố nguồn lực sẵn có và yếu tố rào cản tộc người thiểu số. Như vậy, dựa vào bối cảnh nghiên cứu và tình hình thực tiễn tại tỉnh Đắk Lắk, tác giả đề xuất Mô hình nghiên cứu (Hình 1).



Hình 1. Mô hình nghiên cứu đề xuất

3. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Nghiên cứu được thực hiện bằng việc khảo sát 618 sinh viên TNTS có ý định khởi nghiệp đang học tại các trường đại học, cao đẳng trên địa bàn tỉnh Đắk

Lắk. Các câu hỏi trong mô hình được tham khảo từ những nghiên cứu trước đây trên thế giới. Nghiên cứu sử dụng thang đo Likert 5 điểm: 1 là hoàn toàn không đồng ý và 5 là hoàn toàn đồng ý.

Bảng 1. Thang đo

Thang đo	Mã hóa	Nguồn
Ý định khởi nghiệp		
Anh/Chị sẵn sàng làm bất cứ điều gì để trở thành một người khởi nghiệp	EI1	[14]
Mục tiêu nghề nghiệp của Anh/Chị là trở thành một doanh nhân	EI2	
Anh/Chị sẽ cố gắng hết sức để thành lập và điều hành doanh nghiệp của riêng Anh/Chị	EI3	
Anh/Chị quyết tâm tạo dựng một doanh nghiệp trong tương lai	EI4	
Anh/Chị đã suy nghĩ rất nghiêm túc về việc thành lập một doanh nghiệp	EI5	
Anh/Chị có ý định thành lập doanh nghiệp vào một ngày nào đó	EI6	
Thái độ khởi nghiệp		
Việc trở thành một người khởi nghiệp mang lại nhiều lợi thế cho Anh/Chị	EA1	[14]
Sự nghiệp của một người khởi nghiệp hấp dẫn Anh/Chị	EA2	
Nếu có cơ hội và nguồn lực, Anh/Chị muốn thành lập một doanh nghiệp	EA3	
Việc trở thành một người khởi nghiệp có khả năng mang đến cho Anh/Chị những thỏa mãn tuyệt vời	EA4	
Trong số các lựa chọn khác nhau, Anh/Chị muốn trở thành một người khởi nghiệp	EA5	

Thang đo	Mã hóa	Nguồn
Nhận thức kiểm soát hành vi	BC	
Việc thành lập và duy trì hoạt động của một doanh nghiệp là dễ dàng đối với Anh/Chị	BC1	[14]
Anh/Chị đã chuẩn bị để thành lập một doanh nghiệp	BC2	
Anh/Chị có thể kiểm soát quá trình thành lập của một doanh nghiệp mới	BC3	
Anh/Chị biết các điều cần thiết để thành lập doanh nghiệp	BC4	
Anh/Chị biết cách phát triển một dự án khởi nghiệp	BC5	
Nếu Anh/Chị cố gắng thành lập một doanh nghiệp thì xác suất thành công sẽ cao	BC6	
Giáo dục khởi nghiệp	ED	
Việc giáo dục ở trường đại học khuyến khích Anh/Chị phát triển ý tưởng sáng tạo để trở thành một người khởi nghiệp	ED1	[15]
Trường đại học cung cấp cho Anh/Chị những kiến thức cần thiết về khởi nghiệp	ED2	[15]
Trường đại học giúp Anh/Chị phát triển các kỹ năng và khả năng kinh doanh	ED3	
Hỗ trợ của chính phủ	GS	
Chính phủ Việt Nam có trợ cấp cho các doanh nghiệp mới và đang phát triển	GS1	[9]
Ở Đắk Lắk có quỹ tài trợ cho các hoạt động khởi nghiệp	GS2	
Ở Đắk Lắk các doanh nghiệp mới có thể nhận được hầu hết các giấy phép cần thiết trong thời gian ngắn	GS3	
Thuế và các quy định khác áp dụng cho các doanh nghiệp khởi nghiệp thì nhất quán và có thể dự đoán được	GS4	
Rào cản tộc người thiểu số	EB	
Một số giá trị văn hóa và xã hội của TNTS làm cản trở việc khởi nghiệp của Anh/Chị	EB1	[11]
Việc không am hiểu tiếng Kinh làm cản trở việc khởi nghiệp của Anh/Chị	EB2	
Nhìn chung, trình độ giáo dục của TNTS còn thấp làm cản trở việc khởi nghiệp	EB3	
Việc thiếu kỹ năng quản lý làm cản trở việc khởi nghiệp của Anh/Chị	EB4	
Nguồn lực sẵn có	AR	
Các ngân hàng và các nhà đầu tư khác luôn nỗ lực để giúp các doanh nghiệp mới bắt đầu.	AR1	[12]
Chính quyền địa phương hỗ trợ tốt cho những người bắt đầu thành lập các doanh nghiệp mới.	AR2	[12]
Các nhóm cộng đồng khác hỗ trợ tốt cho những người bắt đầu thành lập các doanh nghiệp mới	AR3	[12]
Môi trường kinh doanh	EE	
Người khởi nghiệp đóng vai trò quan trọng trong nền kinh tế	EE1	[13]
Môi trường Anh/Chị đang sống có các nền tảng trao đổi thông tin, trang web và cơ hội kết nối cho những người khởi nghiệp	EE2	[13]
Hoạt động khởi nghiệp có tác động tích cực đến chất lượng cuộc sống con người	EE3	[13]
Môi trường Anh/Chị đang sống có lực lượng lao động lành nghề	EE4	[13]
Môi trường Anh/Chị đang sống có cơ sở hạ tầng tốt (đường sá, giao thông, khoảng cách, v.v.)	EE5	[13]

Mẫu nghiên cứu được thu thập qua hai giai đoạn: điều tra sơ bộ với 100 phiếu hợp lệ và điều tra chính thức với 618 phiếu hợp lệ. Mẫu điều tra chính thức được lấy theo phương pháp chọn mẫu phi xác suất, thuận tiện. Trong số 618 sinh viên tham gia khảo sát có 257 sinh viên là người dân tộc Ê-đê, 85 sinh viên là người dân tộc Tày, 56 sinh viên là người dân tộc Nùng, 48 sinh viên là người dân tộc S-tiêng và 172

sinh viên thuộc các tộc người thiểu số khác. Trường đại học (ĐH) Tây Nguyên có số lượng sinh viên tộc người thiểu số tham gia khảo sát nhiều nhất với 453 sinh viên, chiếm 73.3%, tiếp đến là Trường Cao đẳng (CĐ) Công nghệ Đắk Lắk với 100 sinh viên, chiếm 16.2%; Trường ĐH Đông Á và Trường CĐ Kỹ thuật Đắk Lắk mỗi trường chỉ có 4 sinh viên tộc người thiểu số có ý định khởi nghiệp, chiếm 0.6%.

4.KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

4.1.Kiểm định thang đo

4.1.1.Hệ số Cronbach's Alpha

Bảng 2. Hệ số Cronbach's Alpha và tương quan biến tổng của các nhân tố

Biến quan sát	Hệ số tương quan biến tổng	Cronbach's Alpha nếu loại biến	Hệ số Cronbach's Alpha
Nhân tố ý định khởi nghiệp			0.935
EI1	0.812	0.922	
EI2	0.800	0.923	
EI3	0.700	0.936	
EI4	0.857	0.916	
EI5	0.854	0.916	
EI6	0.821	0.921	
Thái độ khởi nghiệp (EA)			0.828
EA1	0.671	0.781	
EA2	0.615	0.797	
EA3	0.619	0.796	
EA4	0.598	0.801	
EA5	0.620	0.795	
Nhận thức kiểm soát hành vi (BC)			0.931
BC1	0.751	0.924	
BC2	0.798	0.919	
BC3	0.855	0.911	
BC4	0.818	0.916	
BC5	0.822	0.915	
BC6	0.746	0.925	
Giáo dục khởi nghiệp (ED)			0.878
ED1	0.752	0.839	
ED2	0.790	0.804	
ED3	0.753	0.838	
Hỗ trợ của chính phủ (GS)			0.878
GS1	0.709	0.853	
GS2	0.776	0.827	
GS3	0.782	0.825	
GS4	0.680	0.864	
Rào cản tộc người thiểu số (EB)			0.896
EB1	0.779	0.862	
EB2	0.798	0.855	
EB3	0.799	0.855	
EB4	0.703	0.889	
Nguồn lực sẵn có (AR)			0.861
AR1	0.734	0.808	
AR2	0.773	0.771	
AR3	0.705	0.835	
Môi trường kinh doanh (EE)			0.878
EE1	0.664	0.863	
EE2	0.758	0.840	
EE3	0.721	0.850	
EE4	0.721	0.849	
EE5	0.688	0.858	

Kết quả kiểm định Cronbach's Alpha cho thấy các thang đo đều đạt hệ số Cronbach's Alpha lớn hơn 0.8 đồng thời các biến quan sát có hệ số tương quan biến tổng (Corrected Item – Total Correlation) lớn hơn 0.3. Như vậy, các thang đo đều đảm bảo được mức độ tin cậy.

4.1.2. Kết quả EFA

Kết quả phân tích nhân tố khám phá cho thấy Hệ số KMO = 0.957 > 0.5. Đồng thời kết quả kiểm định Bartlett's là 162,480,213 với mức ý nghĩa Sig. = 0.000 < 0.05, tổng phương sai trích là 73.087% (lớn hơn 50%). Tám yếu tố được trích tại giá trị Eigenvalues = 1.003 > 1. Kết quả ma trận mẫu (Pattern Matrix) cho

thấy 36 biến quan sát được phân thành 8 nhân tố, tất cả các biến quan sát đều có hệ số tải nhân tố Factor Loading lớn hơn 0.5 và không còn các biến xấu.

4.1.3. Phân tích nhân tố khẳng định CFA

Kết quả CFA của mô hình như sau: Chỉ số Chi-square điều chỉnh theo bậc tự do CMIN/df = 2.5 ≤ 3, chỉ số thích hợp so sánh CFI = 0.947 ≥ 0.9, Chỉ số Tucker & Lewis TLI 0.941 > 0.9, chỉ số RMSEA = 0.049 < 0.06 và chỉ số PCLOSE 0.633 > 0.05 nên mô hình được xem là rất tốt. Sau khi loại biến EA4 thì các biến còn lại hội tụ về đúng nhân tố như mô hình nghiên cứu ban đầu và đảm bảo về độ tin cậy, tính hội tụ và tính phân biệt.

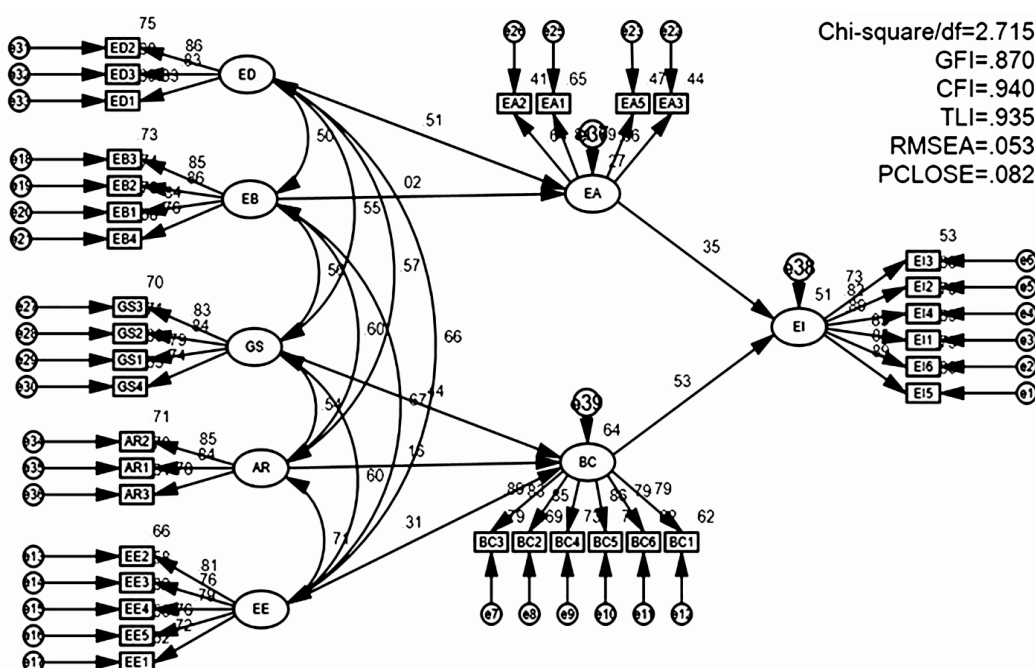
Bảng 3. Kết quả đánh giá độ tin cậy, tính hội tụ và phân biệt

	CR	AVE	MSV	MaxR(H)	AR	EI	BC	EE	EB	EA	GS	ED
AR	0.863	0.677	0.498	0.866	0.823							
EI	0.936	0.711	0.462	0.943	0.579	0.843						
BC	0.932	0.696	0.507	0.936	0.605	0.652	0.834					
EE	0.880	0.594	0.498	0.882	0.706	0.598	0.671	0.771				
EB	0.897	0.686	0.437	0.902	0.590	0.481	0.640	0.661	0.828			
EA	0.801	0.503	0.282	0.810	0.361	0.531	0.439	0.375	0.248	0.709		
GS	0.880	0.647	0.507	0.885	0.535	0.470	0.712	0.600	0.544	0.387	0.804	
ED	0.879	0.708	0.462	0.880	0.562	0.680	0.604	0.646	0.498	0.462	0.533	0.841

4.2. Phân tích SEM

Kết quả phân tích mô hình SEM dạng chuẩn hóa cho thấy hệ số Chi-square/df = 2.724, CFI = 0.938; TLI = 0.932; RMSEA = 0.053; PCLOSE = 0.066 cho thấy mô hình tương thích với dữ liệu thị trường.

Theo giả thuyết ban đầu thì các biến độc lập và các biến trung gian có tác động lên biến phụ thuộc. Tuy nhiên, biến độc lập Rào cản tộc người thiểu số không tác động lên biến Thái độ khởi nghiệp nên giả thuyết H4 bị bác bỏ.



Hình 2. Kết quả phân tích SEM

Bảng 4. Kết quả phân tích Bootstrap

	Tác động	Mức độ	P-value	Khoảng tin cậy phép bootstrap
Thái độ khởi nghiệp	Gián tiếp	0.1007	0.0000	0.0632-0.1417
Nhận thức kiểm soát hành vi	Gián tiếp	0.1837	0.0000	0.1237-0.2521

Kết quả phân tích vai trò biến trung gian bằng Bootstrapping cho thấy: có tác động gián tiếp từ biến độc lập Giáo dục khởi nghiệp (ED) lên biến phụ thuộc Ý định khởi nghiệp (EI) và biến Thái độ khởi nghiệp (EA) đóng vai trò là biến trung gian có tác động gián tiếp từ biến độc lập Giáo dục khởi nghiệp (GS), Nguồn lực sẵn có (AR) và Môi trường kinh doanh (EE) lên biến phụ thuộc Ý định khởi nghiệp (EI) và biến Nhận thức kiểm soát hành vi (BC) đóng vai trò là biến trung gian.

4.3. Kiểm định sự khác biệt giữa các nhóm

Tác giả sử dụng phân tích Anova và Kruskal-Wallis Test để kiểm định sự khác biệt giữa các nhóm. Kết quả kiểm định cho thấy có sự khác biệt về ý định khởi nghiệp của sinh viên các trường đại học, cao đẳng trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk và có sự khác biệt về giới tính giữa nhóm nông nghiệp so với công nghiệp và nhóm công nghiệp so với dịch vụ. Nhưng không có sự khác biệt về ý định khởi nghiệp giữa các nhóm tộc người thiểu số, giữa các nhóm trong lĩnh vực khởi nghiệp và không có sự khác biệt về ý định khởi nghiệp giữa nam sinh viên và nữ sinh viên tộc người thiểu số tại Đắk Lắk.

4.4. Thảo luận kết quả nghiên cứu

Kết quả nghiên cứu từ dữ liệu thu được từ 618 sinh viên tộc người thiểu số đang học tại các trường đại học, cao đẳng trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk cho thấy:

- Nhân tố Thái độ khởi nghiệp đóng vai trò là biến trung gian trong mô hình, có tác động cùng chiều với ý định khởi nghiệp với mức tác động là 35.4 %, hệ số Estimate là 0.464, giá trị P-value là 0.000 nên giả thuyết H1: Thái độ khởi nghiệp ảnh hưởng cùng chiều đến ý định khởi nghiệp của sinh viên tộc người thiểu số tại Đắk Lắk được chấp nhận. Kết quả này tương đồng với kết quả nghiên cứu của nhiều tác giả [2 - 3, 5, 9 - 10].
- Nhân tố Nhận thức kiểm soát hành vi đóng vai trò là biến trung gian có tác động cùng chiều lên ý định khởi nghiệp với mức tác động 53%, hệ số Estimate là 0.512 và Sig. là 0.000. Như vậy, giả thuyết H2: Nhận thức kiểm soát hành vi có ảnh hưởng cùng chiều đến ý định khởi nghiệp của sinh viên tộc người thiểu số tại Đắk Lắk được chấp nhận. Kết quả này tương đồng với kết quả nghiên cứu của Nguyễn Phương Mai và cộng sự

[3] và Anh et al. [5].

- Nhân tố Giáo dục khởi nghiệp đóng vai trò là biến độc lập có tác động cùng chiều lên ý định khởi nghiệp với mức tác động 51.9%, hệ số Estimate là 0.43, giá trị P-value là 0.000 nên giả thuyết H3: Giáo dục khởi nghiệp có ảnh hưởng cùng chiều đến thái độ khởi nghiệp của sinh viên TNTS tại Đắk Lắk được chấp nhận. Kết quả này tương đồng với kết quả nghiên cứu của nhiều tác giả [2, 4 - 5, 9 - 10].
- Trong giả thuyết ban đầu, tác giả cho rằng nhân tố Rào cản tộc người thiểu số có ảnh hưởng ngược chiều với ý định khởi nghiệp. Tuy nhiên, kết quả kiểm định mô hình SEM lần đầu tiên cho thấy sự tác động của nhân tố Rào cản tộc người thiểu số lên thái độ khởi nghiệp với hệ số Estimate là 0.01, giá trị P-value là 0.972. Điều này chứng tỏ nhân tố Rào cản tộc người thiểu số trong nghiên cứu này không có sự tác động lên sự biến thiên của mô hình. Như vậy giả thuyết H4: Rào cản tộc người thiểu số ảnh hưởng ngược chiều lên ý định khởi nghiệp của sinh viên tộc người thiểu số ở Đắk Lắk bị loại ra khỏi mô hình. Kết quả này trái với một số nghiên cứu [11] và có thể giải thích là tộc người thiểu số tại Đắk Lắk thường sống chung với người dân tộc Kinh trong một vùng lãnh thổ, họ có thể nói tiếng Việt ngay từ lúc còn nhỏ. Cụ thể, theo thống kê [1], tại tỉnh Đắk Lắk có 78.4% tộc người thiểu số biết đọc biết viết tiếng phổ thông, riêng dân tộc X-tiêng tỷ lệ này là 100%, dân tộc Tày 93.6%, dân tộc Nùng 89.5% và dân tộc Ê-đê là 74.9%. Như vậy, có thể việc không thông thạo tiếng Kinh và một số khác biệt về văn hóa, trình độ học vấn tác giả đã đưa ra trong nghiên cứu này không còn là rào cản đối với sinh viên tộc người thiểu số tại Đắk Lắk.
- Nhân tố Hỗ trợ của chính phủ đóng vai trò là biến độc lập có tác động cùng chiều lên ý định khởi nghiệp với mức tác động 44.6% với hệ số hồi quy là 0.465, giá trị P-value là 0.000 nên giả thuyết H5: Hỗ trợ của chính phủ có ảnh hưởng cùng chiều đến nhận thức kiểm soát hành vi của sinh viên tộc người thiểu số tại Đắk Lắk được chấp nhận. Kết quả này tương đồng với kết quả nghiên cứu của Linan [14], Mamun et al. [9] và Anh et al. [5].
- Nhân tố Nguồn lực sẵn có: hệ số hồi quy là 0.191, giá trị P-value là 0.000 nên giả thuyết H6: Nguồn

lực sẵn có có tác động cùng chiều đến nhận thức kiểm soát hành vi của sinh viên tộc người thiểu số tại Đắk Lắk được chấp nhận. Kết quả nghiên cứu này có những điểm tương đồng với nghiên cứu của Edelman và Yli-Renko [12].

- Nhân tố Môi trường kinh doanh: hệ số hồi quy là 0.361, giá trị P-value là 0.000 nên giả thuyết H7: Môi trường kinh doanh có tác động cùng chiều đến ý định khởi nghiệp của sinh viên TNTS tại Đắk Lắk được chấp nhận. Kết quả nghiên cứu tương đồng với kết quả nghiên cứu của Kallas [13]; Nguyễn Xuân Hiệp và cộng sự [4].

4.5. Hàm ý quản trị

Về nhận thức kiểm soát hành vi: từ kết quả phân tích cho thấy hệ số hồi quy chuẩn hóa (khác 0) và mang dấu dương (+) thể hiện mối quan hệ cùng chiều giữa Nhận thức kiểm soát hành vi đến ý định khởi nghiệp. Với mức ý nghĩa $P = 0.000$ ($\beta = 0.512$; $S.E = 0.036$). Giá trị trung bình của yếu tố xấp xỉ bằng 3 và giá trị trung bình của các biến quan sát dao động từ 3.07 đến 3.36. Như vậy, đáp viên có ý kiến trung lập với các quan điểm được đưa ra. Để nâng cao Nhận thức kiểm soát hành vi, các bên liên quan nên giúp các sinh viên tự tin hơn trong việc chuẩn bị để thành lập một doanh nghiệp, đưa ra cái nhìn tổng quan hơn giúp sinh viên có thể kiểm soát quá trình thành lập một doanh nghiệp, có những hướng dẫn cụ thể về quy trình chi tiết thực tế để thành lập doanh nghiệp, chia sẻ kinh nghiệm và kỹ năng để phát triển một dự án khởi nghiệp. Đặc biệt, biến “Việc thành lập và duy trì hoạt động của một doanh nghiệp rất dễ dàng đối với Anh/Chị” được lựa chọn với điểm trung bình thấp nhất (3.07) trong nhân tố Nhận thức kiểm soát hành vi cho thấy hầu hết sinh viên đều không thấy việc thành lập và duy trì hoạt động của doanh nghiệp là dễ dàng. Vì thế, các bên liên quan cần giúp các sinh viên nâng cao hiểu biết về quy trình, thủ tục và các điều kiện cần thiết để thành lập một doanh nghiệp; đồng thời phát triển các kỹ năng mềm, kỹ năng quản trị qua các hoạt động trải nghiệm thực tế và học hỏi từ những chia sẻ của người có kinh nghiệm như các cuộc hội thảo, chuyên đề.

Về thái độ đối với khởi nghiệp: kết quả phân tích cho thấy hệ số hồi quy chuẩn hóa (khác 0) và mang dấu dương (+) thể hiện mối quan hệ cùng chiều giữa thái độ khởi nghiệp đến ý định khởi nghiệp. Với mức ý nghĩa $P = 0.000$ ($\beta = 0.463$; $S.E = 0.053$). Giá trị trung bình của nhân tố là 3.79 và giá trị trung bình của các biến quan sát nằm trong khoảng từ

3.72 đến 3.89. Điều này cho thấy đáp viên có ý kiến đồng ý với các quan điểm được đưa ra. Như vậy, để nâng cao thái độ khởi nghiệp của sinh viên tộc người thiểu số thì việc định hướng nghề nghiệp là một điều quan trọng giúp sinh viên tự tin chọn lựa trở thành một người chủ doanh nghiệp khởi nghiệp; đồng thời tuyên truyền về những tác động tích cực của việc khởi nghiệp đến cá nhân, gia đình và xã hội và tuyên dương những tấm gương khởi nghiệp thực tế trong cộng đồng tộc người thiểu số làm động lực hấp dẫn sinh viên.

Về giáo dục khởi nghiệp: kết quả phân tích cho thấy hệ số hồi quy chuẩn hóa (khác 0) và mang dấu dương (+) thể hiện mối quan hệ cùng chiều giữa Giáo dục khởi nghiệp đến Thái độ khởi nghiệp. Với mức ý nghĩa $P = 0.000$ ($\beta = 0.418$; $S.E = 0.048$). Giá trị trung bình của nhân tố là 3.76 và giá trị trung bình của các biến quan sát nằm trong khoảng từ 3.72 đến 3.79. Như vậy, đáp viên có ý kiến đồng ý với các quan điểm đã đưa ra. Kết quả nghiên cứu cho thấy giáo dục khởi nghiệp đóng vai trò quan trọng trong việc hun đúc tinh thần khởi nghiệp cho các bạn sinh viên. Đồng thời, ý định khởi nghiệp có sự khác biệt giữa các trường đại học, cao đẳng trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk. Vì thế, các trường đại học, cao đẳng có thể tùy vào thế mạnh của từng trường mà cung cấp các khóa học, môn học liên quan đến hoạt động khởi nghiệp cho sinh viên; tạo ra môi trường cho sinh viên thể hiện các ý tưởng của mình bằng những cuộc thi khởi nghiệp; nuôi dưỡng văn hóa và tư duy kinh doanh thông qua giáo dục và truyền thông; học tập, trao đổi chương trình đào tạo khởi nghiệp với các quốc gia phát triển; trang bị và phát triển phòng thí nghiệm ứng dụng tại trường.

Về sự hỗ trợ của chính phủ: kết quả phân tích cho thấy hệ số hồi quy chuẩn hóa (khác 0) và mang dấu dương (+) thể hiện mối quan hệ cùng chiều giữa Hỗ trợ của chính phủ đến Nhận thức kiểm soát hành vi. Với mức ý nghĩa $P = 0.000$ ($\beta = 0.466$; $S.E = 0.044$). Giá trị trung bình của nhân tố là 3.53 và giá trị trung bình của các biến quan sát nằm trong khoảng từ 3.48 đến 3.56 cho thấy đáp viên có ý kiến đồng ý với các quan điểm đã đưa ra. Như vậy, chính phủ Việt Nam có thể tạo ra nhiều cơ hội kinh doanh hơn cho các bạn trẻ tộc người thiểu số đặc biệt trong các ngành nghề hay sản phẩm truyền thống tộc người thiểu số; thành lập Phòng chuyên gia tư vấn tại tỉnh Đắk Lắk nhằm hỗ trợ người trẻ khởi nghiệp; đơn giản hóa quy trình, thủ tục khởi nghiệp, công khai, minh bạch các quy định của Nhà nước về thủ tục khởi nghiệp; công nghệ hóa thủ

tục hành chính về khởi nghiệp.

Về môi trường kinh doanh: kết quả phân tích cho thấy hệ số hồi quy chuẩn hóa (khác 0) và mang dấu dương (+) thể hiện mối quan hệ cùng chiều giữa Môi trường kinh doanh và Nhận thức kiểm soát hành vi. Với mức ý nghĩa $P = 0.000$ ($\beta = 0.376$; $S.E = 0.062$). Giá trị trung bình của nhân tố là 3.68 và giá trị trung bình của các biến quan sát nằm trong khoảng từ 3.57 đến 3.79. Như vậy, đáp viên có ý kiến đồng ý với các quan điểm về tác động tích cực của môi trường kinh doanh đến ý định khởi nghiệp. Để thúc đẩy sinh viên khởi nghiệp có thể kiến tạo môi trường khởi nghiệp đổi mới sáng tạo; nhìn nhận vị trí quan trọng của người khởi nghiệp trong nền kinh tế và tác động tích cực của hoạt động khởi nghiệp; tổ chức hỗ trợ khởi nghiệp, phát triển kinh tế cho tộc người thiểu số; xây dựng cơ sở hạ tầng kết nối với các trung tâm kinh tế lớn.

Về nguồn lực sẵn có: kết quả phân tích cho thấy hệ

số hồi quy chuẩn hóa (khác 0) và mang dấu dương (+) thể hiện mối quan hệ cùng chiều giữa Nguồn lực sẵn có đến Nhận thức kiểm soát hành vi. Với mức ý nghĩa $P = 0.000$ ($\beta = 0.189$; $S.E = 0.056$). Giá trị trung bình của nhân tố là 3.39 và giá trị trung bình của các biến quan sát nằm trong khoảng từ 3.34 đến 3.43. Như vậy, đáp viên có ý kiến trung lập với các quan điểm về lợi thế sẵn có từ sự hỗ trợ của các ngân hàng, các nhà đầu tư và chính phủ đối với các doanh nghiệp khởi nghiệp; đồng thời công nhận vai trò của các nhóm cộng đồng khác trong việc hỗ trợ tích cực cho các doanh nghiệp khởi nghiệp. Vì thế, các bên liên quan nên hợp tác với các ngân hàng và các nhà đầu tư khác để có những gói vay vốn lãi suất thấp hoặc tài trợ bằng nhiều hình thức cho các doanh nghiệp khởi nghiệp; cung cấp các nguồn lực và hỗ trợ cho các doanh nghiệp khởi nghiệp, xây dựng một hệ sinh thái khởi nghiệp với sự tham gia và phối hợp chặt chẽ của Nhà nước, các tổ chức chính trị - xã hội và Hiệp hội nghề nghiệp.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Tổng cục Thống kê, *Kết quả Điều tra thu thập thông tin về thực trạng kinh tế - xã hội của 53 dân tộc thiểu số năm 2019*. Hà Nội: Nxb. Thống kê, 2020.
- [2] Đ. T. T. Trang và L. H. Học, "Các nhân tố ảnh hưởng tới ý định khởi nghiệp sinh viên ngành kỹ thuật: Nghiên cứu trường hợp Đại học Bách Khoa Hà Nội," *Tạp chí Kinh Tế Đối Ngoại*, Số 97, tr. 97, 2017.
- [3] N. P. Mai, L. T. M. Ngọc và T. H. Dũng, "Các yếu tố ảnh hưởng đến ý định khởi nghiệp của nữ sinh viên ngành Quản trị Kinh doanh trên địa bàn Hà Nội," *Tạp chí Khoa học và Công nghệ*, Số 49, tr. 120-128, 2018.
- [4] N. X. Hiệp, T. H. Thanh và N. T. Y. Nhi, "Các yếu tố ảnh hưởng đến ý định khởi nghiệp kinh doanh của sinh viên khối ngành kinh tế các trường đại học tại Thành phố Hồ Chí Minh," *Tạp chí Nghiên cứu Tài chính-Marketing*, Số 51, tr. 55-65, 2019.
- [5] N. T. L. Anh, D. T. Huong, N. T. Vu, M. T. T. Ha and M. T. Tan, "Factors affecting the start-up business of ethnic minority youths in the Northwest region of Vietnam," *International Journal of Economics, Business and Management Research*, Vol. 4, No. 8, pp. 51-63, 2020.
- [6] MacMillan, I. C., "The emerging forum for entrepreneurship scholars," *Journal of Business Venturing*, Vol. 8, No.5, pp. 377-381, 1993.
- [7] I. Ajzen, "The theory of planned behavior," *Organizational Behavior Human Decision Processes*, Vol. 50, No. 2, pp. 179-211, 1991.
- [8] A. Shapero and L. Sokol, "The social dimensions of entrepreneurship," *University of Illinois at Urbana-Champaign's Academy for Entrepreneurial Leadership Historical Research*, 1982.
- [9] A. A. Mamun, N. B. C. Nawi, M. Mohiuddin, S. F. F. B. Shamsudin and S. A. Fazal, "Entrepreneurial intention and startup preparation: A study among business students in Malaysia," *Journal of Education for Business*, Vol. 92, No. 6, pp. 296-314, 2017.
- [10] A. Ibrahim, U. M. Abdullahi, "Analysis of mind-set (intention and constraints) of Nigerian students towards entrepreneurship in the country," *Journal of Education Practice*, Vol. 5, No. 24, pp. 86-92, 2014.
- [11] T. B. Levent, E. Masurel and P. Nijkamp, "Diversity in entrepreneurship: ethnic and female roles in urban economic life," *International journal of social economics*, No. 2002-32, 2002.
- [12] L. Edelman, and H. Yli-Renko, "The impact of environment and entrepreneurial perceptions on venture-creation efforts: Bridging the discovery and creation views of entrepreneurship," *Entrepreneurship Theory and Practice*, Vol. 34, No. 5, pp. 833-856, 2010.
- [13] E. Kallas, "Environment-readiness entrepreneurship intention model: The case of Estonians and the Russian-speaking minority in Estonia," *Sage Open*, Vol. 9, No. 1, pp. 2158244018821759, 2019.

[14] F. Linan, "Skill and value perceptions: how do they affect entrepreneurial intentions?," *International Entrepreneurship Management Journal*, Vol. 4, No. 3, pp. 257-272, 2008.

[15] D. Turker and S. S. Selcuk, "Which factors affect entrepreneurial intention of university students?," *Journal of European industrial training*, Vol. 33, No. 2, pp. 142-159, 2009.

Factors affecting entrepreneurial intention of ethnic minority students in Dak Lak

Tran Thi Hoan and Vo Tan Phong

ABSTRACT

This study was conducted to identify and evaluate the factors affecting the entrepreneurial intention of ethnic minority students in Dak Lak, and to propose some management implications to promote ethnic minority students' entrepreneurship. The study was conducted through a survey of 618 ethnic minority students at universities and colleges in Dak Lak province. Cronbach's Alpha, EFA, CFA and SEM analyses were performed using SPSS and AMOS software. The research results show that the entrepreneurial intention of ethnic minority students in Dak Lak is directly influenced by the factor of Behavioral control perception and Entrepreneurial attitude factor, indirectly affected by the factors of Entrepreneurship education, Government support, Business environment and Available resources. The factor of Ethnic barriers does not show any effect on the entrepreneurial intention of ethnic minority students in Dak Lak.

Keywords: *entrepreneurial intention, ethnic minority, Dak Lak students*

Received: 28/06/2023

Revised: 13/07/2023

Accepted for publication: 17/07/2023